

CÔNG BỐ

Thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tháng 4 năm 2025

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn một số nội dung về xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 09/01/2024 của UBND tỉnh về việc ủy quyền công bố thông tin giá các loại vật liệu xây dựng, thiết bị công trình, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng; công bố chỉ số giá xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thu thập thông tin giá VLXD trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thời điểm tháng 4 năm 2025; ý kiến tham gia của UBND các huyện, thị xã, thành phố, các Ban QLDA đầu tư xây dựng cấp tỉnh và các Sở có liên quan. Sở Xây dựng Thanh Hóa tổng hợp và công bố thông tin giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh tháng 4 năm 2025 với các nội dung sau:

1. Công bố thông tin giá vật liệu xây dựng đối với: Đá xây dựng, cát xây dựng và đất san lấp, để các đơn vị có cơ sở tham khảo trong việc xác định tổng mức đầu tư xây dựng, dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) thực hiện trong tháng 4 năm 2025.

2. Mức giá công bố tại các Phụ lục kèm theo là mức giá chưa gồm thuế VAT.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc, khó khăn đề nghị phản ánh về Sở Xây dựng Thanh Hóa để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và môi trường, Công thương; Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ban QLDA đầu tư xây dựng cấp tỉnh;
- Các ngành, đơn vị có liên quan;
- Các phòng thuộc Sở Xây dựng;
- Văn phòng Sở (để đăng tải Website Sở);
- Lưu: KTVL, SXD.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Bá Hải

PHU LỤC 1: NHÓM VẬT LIỆU ĐÁ XÂY DỰNG

BẢNG THÔNG TIN GIÁ CÁC LOẠI VLXD THÔNG DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ - THỜI ĐIỂM THÁNG 4/2025
(Kèm theo Công văn số 3871 /SXD-KTVL ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
1	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		HTX sản xuất VLXD Đông Vinh	Mỏ tại xã Đông Vinh, TP Thanh Hóa		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND TP Thanh Hóa cung cấp	120.000	Thành phố Thanh Hóa
		Đá 0,5	m ³								140.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								90.000	
2	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Doanh nghiệp tư nhân Trần Hoàn	Mỏ tại xã Đông Quang, TP Thanh Hóa		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND TP Thanh Hóa cung cấp	181.818	Thành phố Thanh Hóa
		Đá 0,5	m ³								200.000	
		Đá 1x2	m ³								200.000	
		Đá 4x6	m ³								181.818	
		CPDD loại 1	m ³								181.818	
		CPDD loại 2	m ³								145.455	
3	Đá xây dựng	Đá 0,5	m ³	Không có thông tin		Công ty CP XD và Khai thác Trường Sơn	Mỏ tại xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Thiệu Hóa cung cấp	150.000	Huyện Thiệu Hóa
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								150.000	
		CPDD loại 2	m ³								130.000	
4	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại tổng hợp Hoàng Sơn	Mỏ tại xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do Công ty kê khai giá; áp từ ngày 01/4/2025	160.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								90.000	
5	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại tổng hợp Hoàng Sơn	Mỏ tại xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do Công ty kê khai giá; áp từ ngày 14/4/2025	125.000	
		Đá 1x2	m ³								187.000	
		Đá hộc	m ³								130.000	
		CPDD loại 1	m ³								147.000	
		CPDD loại 2	m ³								110.000	
6	Đá xây dựng	Đá 0,5	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Xuân Trường	Mỏ tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	154.545	Huyện Yên Định
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 2	m ³								100.000	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
7	Đá xây dựng	Đá 4x6	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH dịch vụ kinh doanh tổng hợp Tây Thành	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	154.545	Huyện Yên Định
		CPDD loại 1	m3								131.818	
8	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Phúc Đạt	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	110.000	
		Đá 1x2	m3								160.000	
9	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH VLXD đá Minh Thành	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	160.000	
		Đá 2x4	m3								140.000	
		Đá hộc	m3								90.000	
		CPDD loại 1	m3								127.273	
10	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty CP Mạnh Tân	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	145.455	
		Đá 0,5	m3								172.727	
		Đá 1x2	m3								181.818	
		Đá 4x6	m3								150.000	
		Đá hộc	m3								127.273	
		CPDD loại 1	m3								140.909	
		CPDD loại 2	m3								95.455	
11	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH TM TH Bình Minh	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	113.636	
		Đá 1x2	m3								186.364	
		Đá hộc	m3								100.000	
		CPDD loại 2	m3								113.636	
12	Đá xây dựng	CPDD loại 2	m3	Không có thông tin		Công ty XLĐ và XD TL Thăng Bình	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	125.000	
13	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH TM Hùng Hiền	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	127.273	
		CPDD loại 2	m3								90.909	
14	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH xăng dầu Thanh Túy	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	110.000	
		Đá 1x2	m3								170.000	
		Đá 4x6	m3								150.000	
		CPDD loại 1	m3								150.000	
15	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Tân Đạt	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	118.182	
		Đá 0,5	m3								200.000	
		Đá 1x2	m3								209.091	
		CPDD loại 1	m3								150.000	
		CPDD loại 2	m3								140.000	
16	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH XDTM&SX Hoàng Minh	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	90.000	
		Đá 1x2	m3								160.000	
		Đá 2x4	m3								145.000	
		Đá 4x6	m3								140.000	
		Đá hộc	m3								130.000	
		CPDD loại 1	m3								140.000	
		CPDD loại 2	m3								90.000	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
17	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH XDTM Lộc Phúc	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp; áp từ ngày 01/4/2025	160.000	Huyện Yên Định
		CPDD loại 1	m3								140.000	
		CPDD loại 2	m3								100.000	
18	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH XDTM Lộc Phúc	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do Công ty kê khai giá; áp từ ngày 16/4/2025	113.636	
		Đá 0,5	m3								154.545	
		Đá 1x2	m3								186.364	
		Đá 2x4	m3								163.636	
		Đá 4x6	m3								163.636	
		CPDD loại 1	m3								163.636	
		CPDD loại 2	m3								113.636	
19	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Kiên Ngọc Thành	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	154.545	
		Đá 4x6	m3								127.273	
		CPDD loại 2	m3								90.909	
20	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Minh Thức	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp; kê khai giá của Công ty áp dụng từ 01/4/2025	160.000	
		Đá 4x6	m3								120.000	
		CPDD loại 2	m3								90.000	
21	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Minh Thức	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp; kê khai giá của Công ty áp dụng từ 11/4/2025	125.000	
		Đá 0,5	m3								180.000	
		Đá 1x2	m3								200.000	
		Đá 2x4	m3								180.000	
		Đá 4x6	m3								180.000	
		Đá hộc	m3								125.000	
		CPDD loại 1	m3								175.000	
		CPDD loại 2	m3								120.000	
22	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty CP Phú Thắng	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	125.000	
		Đá 0,5	m3								170.000	
		Đá 1x2	m3								205.000	
		Đá 2x4	m3								180.000	
		Đá 4x6	m3								180.000	
		Đá hộc	m3								140.000	
		CPDD loại 1	m3								180.000	
		CPDD loại 2	m3								125.000	
23	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Tuyển Huế	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	131.818	
		CPDD loại 2	m3								95.000	
24	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất kinh doanh VLXD Hoàng Tú	Mô tại thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	100.000	
		Đá 1x2	m3								160.000	
		CPDD loại 2	m3								100.000	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
25	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Đại Phong	Mô tại xã Nga An, huyện Nga Sơn		Tại mô, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nga Sơn cung cấp áp dụng từ ngày 01/4/2025	165.000	Huyện Nga Sơn
		Đá 0,5	m3								181.818	
		Đá 1x2	m3								181.818	
		Đá 2x4	m3								181.818	
		Đá 4x6	m3								181.818	
		Đá hộc	m3								160.000	
		CPDD loại 1	m3								150.000	
		CPDD loại 2	m3								140.000	
26	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Đại Phong	Mô tại xã Nga An, huyện Nga Sơn		Tại mô, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nga Sơn cung cấp áp dụng từ ngày 27/4/2025	163.636	
		Đá 0,5	m3								227.272	
		Đá 1x2	m3								227.272	
		Đá 2x4	m3								227.272	
		Đá 4x6	m3								227.272	
		Đá hộc	m3								200.000	
		CPDD loại 1	m3								163.636	
		CPDD loại 2	m3								163.636	
27	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH thương mại Phú Sơn	Mô tại xã Nga An, huyện Nga Sơn		Tại mô, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nga Sơn cung cấp áp dụng từ ngày 01/4/2025	165.000	
		Đá 0,5	m3								181.818	
		Đá 1x2	m3								181.818	
		Đá 2x4	m3								181.818	
		Đá 4x6	m3								181.818	
		Đá hộc	m3								160.000	
		CPDD loại 1	m3								150.000	
		CPDD loại 2	m3								140.000	
28	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH thương mại Phú Sơn	Mô tại xã Nga An, huyện Nga Sơn		Tại mô, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nga Sơn cung cấp áp dụng từ ngày 25/4/2025	163.636	
		Đá 0,5	m3								227.273	
		Đá 1x2	m3								227.273	
		Đá 2x4	m3								227.273	
		Đá 4x6	m3								227.273	
		Đá hộc	m3								200.000	
		CPDD loại 1	m3								163.636	
		CPDD loại 2	m3								163.636	
29	Đá xây dựng	Đá 1x2	m3	Không có thông tin		HTX khai thác chế biến Đá Đồng Thắng	Mô tại xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn		Tại mô, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Triệu Sơn cung cấp	160.000	Huyện Triệu Sơn
		Đá 2x4	m3								143.000	
		Đá 4x6	m3								122.000	
		Đá hộc	m3								100.000	
		CPDD loại 1	m3								140.000	
		CPDD loại 2	m3								94.000	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
30	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH sản xuất VLXD Đồng Thắng	Mỏ tại xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Triệu Sơn cung cấp	132.000	Huyện Triệu Sơn
		Đá 1x2	m3								165.000	
		Đá hộc	m3								110.000	
		CPDD loại 1	m3								132.000	
		CPDD loại 2	m3								120.000	
31	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH MTV Tân Thành 2	Mỏ tại xã Hà Sơn, huyện Hà Trung		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Hà Trung cung cấp	131.818	
		Đá 0,5	m3								140.909	
		Đá 1x2	m3								209.091	
		CPDD loại 1	m3								145.455	
		CPDD loại 2	m3								100.000	
32	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng	Mỏ tại xã Hà Sơn, huyện Hà Trung		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Hà Trung cung cấp	131.818	Huyện Hà Trung
		Đá 0,5	m3								140.909	
		Đá 1x2	m3								172.727	
		Đá 4x6	m3								145.455	
		CPDD loại 1	m3								145.455	
		CPDD loại 2	m3								100.000	
33	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	Không có thông tin		HTX công nghiệp Thạch Bền	Mỏ tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Hà Trung cung cấp	140.000	
		Đá 1x2	m3								160.000	
		Đá 4x6	m3								120.000	
		Đá hộc	m3								100.000	
		CPDD loại 1	m3								140.000	
		CPDD loại 2	m3								90.000	
34	Đá xây dựng	Đá 0,5	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Châu Quý	Mỏ tại xã Hà Tân, huyện Hà Trung		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Hà Trung cung cấp	140.000	
		Đá 1x2	m3								160.000	
		Đá 4x6	m3								120.000	
		Đá hộc	m3								100.000	
		CPDD loại 1	m3								140.000	
		CPDD loại 2	m3								90.000	
35	Đá xây dựng	Đá mặt	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Quế Sơn	Mỏ tại phường Ba Đình, thị xã Bim Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Bim Sơn cung cấp	145.000	Thị xã Bim Sơn
		Đá 1x2	m3								155.000	
		Đá 4x6	m3								155.000	
		CPDD loại 1	m3								158.182	
		CPDD loại 2	m3								121.818	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
36	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty cổ phần vận tải thủy bộ và TM Hương Xuân	Mỏ tại xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Vĩnh Lộc cung cấp	160.000	Huyện Vĩnh Lộc
		Đá 2x4	m ³								140.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								90.000	
37	Đá xây dựng	Đá 0,5	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Tuấn Linh	Mỏ tại xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Vĩnh Lộc cung cấp	140.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								90.000	
38	Đá xây dựng	Đá 0,5	m ³	Không có thông tin		HTX khai thác chế biến đá Vĩnh Minh	Mỏ tại xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Vĩnh Lộc cung cấp	140.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								100.000	
39	Đá xây dựng	Đá 0,5	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH MTV Quỳnh Kim	Mỏ tại xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Vĩnh Lộc cung cấp	140.000	
		Đá mặt	m ³								60.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 2x4	m ³								140.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
40	Đá xây dựng	CPDD loại 2	m ³	Không có thông tin		Công ty CP Toàn Minh	Mỏ tại xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Vĩnh Lộc cung cấp	90.000	
		Đá 0,5	m ³								140.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 2x4	m ³								140.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
41	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Hiền Hưng	Mỏ tại Làng Gầm, xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Cẩm Thủy cung cấp	140.000	Huyện Cẩm Thủy
		CPDD loại 2	m ³								90.000	
		Đá 1x2	m ³								163.636	
		Đá 2x4	m ³								163.636	
		Đá 4x6	m ³								145.455	
		Đá hộc	m ³								135.000	
											136.364	
											104.545	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
42	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Hợp tác xã Nam Thành	Mỏ tại xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Cẩm Thủy cung cấp	172.727	Huyện Cẩm Thủy
		Đá 4x6	m ³								127.273	
		Đá hộc	m ³								150.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								100.000	
43	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Tân Hồng Phúc	Mỏ tại xã Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Cẩm Thủy cung cấp	100.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
44	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		HTX khai thác khoáng sản, vận chuyển VL và xây dựng Hoàng Sơn	Mỏ tại xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống cung cấp; áp dụng từ 01/4/2025	100.000	Huyện Nông Cống
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 2x4	m ³								140.000	
		Đá 4x6	m ³								140.000	
		Đá hộc	m ³								110.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								100.000	
45	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		HTX khai thác khoáng sản, vận chuyển VL và xây dựng Hoàng Sơn	Mỏ tại xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống cung cấp; áp dụng từ 10/4/2025	180.000	Huyện Nông Cống
		Đá 1x2	m ³								254.000	
		Đá 2x4	m ³								180.000	
		Đá 4x6	m ³								180.000	
		Đá hộc	m ³								180.000	
		CPDD loại 1	m ³								180.000	
		CPDD loại 2	m ³								160.000	
46	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH ĐT XD TM Hoàng Huy	Mỏ tại xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống khảo sát; áp dụng từ 01/4/2025	100.000	Huyện Nông Cống
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 2x4	m ³								140.000	
		Đá 4x6	m ³								140.000	
		Đá hộc	m ³								110.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								100.000	
47	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH ĐT XD TM Hoàng Huy	Mỏ tại xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống khảo sát; áp dụng từ 10/4/2025	180.000	Huyện Nông Cống
		Đá 1x2	m ³								245.000	
		Đá 2x4	m ³								180.000	
		Đá 4x6	m ³								180.000	
		Đá hộc	m ³								180.000	
		CPDD loại 1	m ³								180.000	
		CPDD loại 2	m ³								160.000	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
48	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Doanh nghiệp tư nhân Hồng Ngọc	Mỏ tại xã Hoàng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống khảo sát	120.000	Huyện Nông Cống
		Đá 0,5	m ³								140.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
49	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH MTV Tân Thành 6	Mỏ tại Núi Gáo xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	137.272	Thị xã Nghi Sơn
		Đá 1x2	m ³								168.181	
		CPDD loại 2	m ³								77.272	
50	Đá xây dựng	Đá 0,5	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH XDTM SX&VT Thế Trường	Mỏ tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	80.371	
		Đá 1x2	m ³								150.000	
		Đá 4x6	m ³								154.545	
		CPDD loại 1	m ³								131.818	
51	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty CP XDTM Tổng hợp Nghi Sơn	Mỏ tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	150.000	
52	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Trung Nam	Mỏ tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	150.000	
		Đá 4x6	m ³								136.363	
		Đá hộc	m ³								118.182	
		CPDD loại 1	m ³								100.000	
		CPDD loại 2	m ³								81.818	
53	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty Licogi 13-VLXD	Mỏ xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	136.364	
		CPDD loại 2	m ³								68.182	
54	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty CP Phú Nam Sơn	Mỏ tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	140.909	
		CPDD loại 1	m ³								118.181	
		CPDD loại 2	m ³								75.454	
55	Đá xây dựng	CPDD loại 1	m ³	Không có thông tin		Công ty cổ phần 471	Mỏ tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	136.364	
		CPDD loại 2	m ³								109.091	
56	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH MTV Thái Sơn	Mỏ tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	150.000	
		Đá 2x4	m ³								122.727	
		CPDD loại 1	m ³								127.272	
		CPDD loại 2	m ³								90.909	
57	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH XD GTTL Giang Sơn	Mỏ tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	145.455	
		Đá 2x4	m ³								145.909	
		Đá 4x6	m ³								145.909	
		CPDD loại 1	m ³								118.227	
		CPDD loại 2	m ³								73.182	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
58	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH TMDV Tổng hợp Cường Thịnh	Mỏ tại xã Tân Trường, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	150.000	Thị xã Nghi Sơn
		Đá 2x4	m ³								122.727	
59	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Hợp tác xã Vận Tải Kinh Gia	Mỏ tại xã Trường Lâm, thị xã Nghi Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Nghi Sơn cung cấp	136.364	
		Đá 2x4	m ³								104.545	
		CPDD loại 1	m ³								109.091	
		CPDD loại 2	m ³								68.182	
60	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	TCVN 10321:2014		HTX dịch vụ vận tải - Xây dựng - Mộc dân dụng - Quang Huy	Mỏ tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Như Thanh cung cấp	158.000	Huyện Như Thanh
		Đá 0,5	m ³								185.000	
		Đá 1x2	m ³								220.000	
		Đá 2x4	m ³								180.000	
		Đá 4x6	m ³								165.000	
		Đá hộc	m ³								158.000	
		CPDD loại 1	m ³								158.000	
		CPDD loại 2	m ³								128.000	
61	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty cổ phần KD và DV Đức Luân	Mỏ tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Như Thanh cung cấp; áp dụng từ 01/4/2025	60.000	
		Đá 0,5	m ³								140.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								90.000	
62	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty cổ phần KD và DV Đức Luân	Mỏ tại xã Xuân Khang, huyện Như Thanh		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Như Thanh cung cấp; áp dụng từ 18/4/2025	130.000	
		Đá 0,5	m ³								170.000	
		Đá 1x2	m ³								230.000	
		Đá 4x6	m ³								160.000	
		Đá hộc	m ³								150.000	
		CPDD loại 1	m ³								145.000	
		CPDD loại 2	m ³								130.000	
63	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		DN tư nhân Trần Hoàn	Mỏ tại xã Thanh Lâm, huyện Như Xuân		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Như Xuân cung cấp	163.636	Huyện Như Xuân
		Đá 0,5	m ³								236.364	
		Đá 1x2	m ³								200.000	
		Đá 4x6	m ³								200.000	
		Đá hộc	m ³								109.091	
		CPDD loại 1	m ³								163.636	
		CPDD loại 2	m ³								104.545	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
64	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Thanh Nghệ	Mô tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Ngọc Lặc cung cấp	113.636	Huyện Ngọc Lặc
		Đá 0,5	m ³								154.545	
		Đá 1x2	m ³								186.364	
		Đá 2x4	m ³								163.636	
		Đá 4x6	m ³								163.636	
		Đá hộc	m ³								127.273	
		CPDD loại 1	m ³								163.636	
		CPDD loại 2	m ³								113.636	
65	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Độ Quý	Mô tại xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Ngọc Lặc cung cấp	80.000	
		Đá 0,5	m ³								150.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 2x4	m ³								140.000	
		Đá 4x6	m ³								140.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPDD loại 1	m ³								140.000	
		CPDD loại 2	m ³								90.000	
66	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty CP sản xuất và thương mại Tự Lập	Mô tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Ngọc Lặc cung cấp	113.636	
		Đá 0,5	m ³								154.545	
		Đá 1x2	m ³								186.364	
		Đá 2x4	m ³								163.636	
		Đá 4x6	m ³								163.636	
		Đá hộc	m ³								127.273	
		CPDD loại 1	m ³								163.636	
		CPDD loại 2	m ³								113.636	
67	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Hoàng Quân	Mô tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Ngọc Lặc cung cấp và kê khai giá của Công ty	113.636	
		Đá 0,5	m ³								159.091	
		Đá 1x2	m ³								186.364	
		Đá 2x4	m ³								163.636	
		Đá 4x6	m ³								163.636	
		Đá hộc	m ³								127.273	
		CPDD loại 1	m ³								163.636	
		CPDD loại 2	m ³								113.636	
68	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH XD&TM Tân Thanh - Chi nhánh mỏ đá làng Nê	Mô tại xã Đồng Lương, huyện Lang Chánh		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do Công ty kê khai	140.000	Huyện Lang Chánh
		Đá 1x2	m ³								200.000	
		Đá 2x4	m ³								200.000	
		Đá 4x6	m ³								170.000	
		Đá hộc	m ³								150.000	
		CPDD loại 2	m ³								100.000	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
69	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Năm Dừng	Mô tại thôn Thành Tiến, xã Xuân Cao, huyện Thường Xuân,		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Thường Xuân cung cấp	150.000	Huyện Thường Xuân
		Đá 0,5	m ³								200.000	
		Đá 1x2	m ³								200.000	
		Đá 2x4	m ³								200.000	
		Đá 4x6	m ³								200.000	
		Đá hộc	m ³								150.000	
		CPDD loại 1	m ³								160.000	
		CPDD loại 2	m ³								120.000	
70	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty cổ phần xây dựng vận tải Tân Xuân	Mô tại xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Thường Xuân cung cấp	118.182	Huyện Thường Xuân
		Đá 0,5	m ³								181.818	
		Đá 1x2	m ³								181.818	
		Đá 2x4	m ³								160.000	
		Đá 4x6	m ³								150.000	
		Đá hộc	m ³								140.000	
		CPDD loại 1	m ³								150.000	
		CPDD loại 2	m ³								110.000	
71	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty CP ĐT&XD Thiên Mã	Mô tại xã Diên Lư, huyện Bá Thước		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Bá Thước cung cấp	190.000	Huyện Bá Thước
		Đá 0,5	m ³								190.000	
		Đá 1x2	m ³								200.000	
		Đá 2x4	m ³								200.000	
		Đá 4x6	m ³								180.000	
		Đá hộc	m ³								165.000	
		CPDD loại 1	m ³								145.000	
		CPDD loại 2	m ³								85.000	
72	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công Ty TNHH Nam Phong Anh	Mô tại xã Thiết Kế, huyện Bá Thước		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Bá Thước cung cấp	171.300	Huyện Bá Thước
		Đá 0,5	m ³								211.300	
		Đá 1x2	m ³								211.300	
		Đá 2x4	m ³								211.300	
		Đá 4x6	m ³								191.300	
		Đá hộc	m ³								162.200	
		CPDD loại 1	m ³								162.200	
		CPDD loại 2	m ³								91.500	
73	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH ĐT và TM Phúc An	Mô tại xã Thạch Cẩm, huyện Thạch Thành		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Thạch Thành cung cấp	95.000	Huyện Thạch Thành
		Đá 0,5	m ³								115.000	
		Đá 1x2	m ³								150.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		Đá hộc	m ³								110.000	
		CPDD loại 1	m ³								95.000	
		CPDD loại 2	m ³								80.000	

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
74	Đá xây dựng	Đá 1x2	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH Nguyên Phú	Mỏ tại thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Thạch Thành cung cấp	159.091	Huyện Thạch Thành
		Đá 2x4	m ³								159.091	
		Đá 4x6	m ³								159.000	
		CPĐĐ loại 1	m ³								136.363	
		CPĐĐ loại 2	m ³								118.181	
		Đá hộc	m ³								136.363	
75	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Doanh nghiệp tư nhân Tiến Loan	Mỏ đá tại bản Bon, thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Quan Sơn cung cấp	60.000	Huyện Quan Sơn
		Đá 0,5	m ³								140.000	
		Đá 1x2	m ³								160.000	
		Đá 2x4	m ³								140.000	
		Đá 4x6	m ³								120.000	
		Đá hộc	m ³								100.000	
		CPĐĐ loại 1	m ³								140.000	
		CPĐĐ loại 2	m ³								90.000	
76	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty TNHH TM xây dựng Hùng Lộc	Mỏ đá tại bản Púng, xã Quang Chiểu, huyện Mường Lát		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Mường Lát cung cấp	140.000	Huyện Mường Lát
		Đá 0,5	m ³								240.000	
		Đá 1x2	m ³								240.000	
		Đá 2x4	m ³								230.000	
		Đá 4x6	m ³								200.000	
		Đá hộc	m ³								160.000	
		CPĐĐ loại 1	m ³								100.000	
		CPĐĐ loại 2	m ³								70.000	
77	Đá xây dựng	Đá mặt	m ³	Không có thông tin		Công ty cổ phần đầu tư Chung Nguyên	Mỏ đá tại Pa Lầu bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Mường Lát cung cấp	100.000	Huyện Mường Lát
		Đá 0,5	m ³								220.000	
		Đá 1x2	m ³								220.000	
		Đá 2x4	m ³								220.000	
		Đá 4x6	m ³								200.000	
		Đá hộc	m ³								160.000	
		CPĐĐ loại 1	m ³								180.000	
		CPĐĐ loại 2	m ³								100.000	

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm các loại phí, thuế (không gồm thuế VAT).

PHỤ LỤC 2: NHÓM VẬT LIỆU CÁT XÂY DỰNG

BẢNG THÔNG TIN GIÁ CÁC LOẠI VLXD THÔNG DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ - THỜI ĐIỂM THÁNG 4/2025
(Kèm theo Công văn số 3871 /SXD-KTVL ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
1		Cát xây trát	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Nhất Linh	Mỏ tại xã Yên Thái, huyện Yên Định		Tại mỏ; trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Yên Định cung cấp	181.800	Huyện Yên Định
2	Cát xây dựng	Cát bê tông	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Phát triển TM & VT Tân Phát	Bãi tập kết tại xã Thọ Hải, huyện Thọ Xuân		Tại bãi tập kết, trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Thọ Xuân cung cấp	250.000	Huyện Thọ Xuân
		Cát xây, trát	m3	Không có thông tin							150.000	
3	Cát xây dựng	Cát bê tông	m3	Không có thông tin		Công ty Cổ phần TM Đức Lộc	Mỏ tại xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc		Tại mỏ, trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Vĩnh Lộc cung cấp	200.000	Huyện Vĩnh Lộc
		Cát xây	m3	Không có thông tin							154.545	
4	Cát xây dựng	Cát bê tông	m3	Không có thông tin		Doanh nghiệp tư nhân Thăng Hiền	Mỏ tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy		Tại mỏ, trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Cẩm Thủy cung cấp	250.000	Huyện Cẩm Thủy
		Cát xây, trát	m3	Không có thông tin							150.000	

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm các loại phí, thuế (không gồm thuế VAT).

PHỤ LỤC 3: NHÓM ĐẤT ĐÁP CÁC LOẠI

BẢNG THÔNG TIN GIÁ CÁC LOẠI VLXD THÔNG DỤNG
TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ - THỜI ĐIỂM THÁNG 4/2025
(Kèm theo Công văn số 3871 /SXD-KTVL ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng)

STT	Nhóm vật liệu	Tên vật liệu, loại vật liệu	Đơn vị	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển	Ghi chú	Giá bán chưa VAT (đồng)	Huyện, thị xã, thành phố
1	Đất đắp	Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Hùng Cường	Mỏ tại phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND thị xã Bim Sơn cung cấp	49.000	Thị xã Bim Sơn
2		Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty CP XD - GT – TL Win	Mỏ tại xã Hà Sơn, huyện Hà Trung		Tại mỏ, trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Hà Trung cung cấp	56.060	Huyện Hà Trung
3		Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty CP đầu tư xây dựng Tân Phú	Mỏ tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống cung cấp	49.000	Huyện Nông Cống
4		Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty CP KH Group - CN Nông Cống	Mỏ tại xã Trường Minh, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống cung cấp	49.000	
5		Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH một thành viên DHT	Mỏ tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện bên mua	Giá do Công ty kê khai giá	49.000	
6		Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH khai thác khoáng sản Tân Hoàng Chung	Mỏ tại xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống		Tại mỏ, trên phương tiện bên mua	Giá do UBND huyện Nông Cống cung cấp	50.000	
7		Đất san lấp, K90, K95	m3	Không có thông tin		Cty TNHH TM Thuận Lợi	Mỏ tại xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND Triệu Sơn cung cấp	60.000	Huyện Triệu Sơn
		Đất K98	m3								61.000	
8		Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty CP vật tư xây dựng An Phát	Mỏ tại xã Thành Long và xã Thành Tiến, huyện Thạch Thành		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Thạch Thành cung cấp	49.000	Huyện Thạch Thành
9		Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty TNHH Nguyễn Phú	Mỏ tại xã Thành Công và xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Thạch Thành cung cấp	49.000	
10	Đất san lấp	m3	Không có thông tin		Công ty cổ phần Hiệp Phát Cẩm Thủy	Mỏ tại xã Cẩm Tú, huyện Vĩnh Lộc		Tại mỏ, trên phương tiện của bên mua	Giá do UBND huyện Cẩm Thủy cung cấp	50.000	Huyện Cẩm Thủy	

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm các loại phí, thuế (không gồm thuế VAT).